

Bản án số: 637/2019/DS-PT
Ngày: 10-7-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang

Các thẩm phán: 1. Bà Vũ Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Khanh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 và ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 505/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 504/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2486/2019/QĐ-PT ngày 31/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 24/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần X
Trụ sở: Tầng 8, văn phòng số L801, tòa nhà CHV - số 72 LTT, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Khánh L, sinh năm 1994
(Văn bản ủy quyền số: 192/2018/EIB/UQ - TGD ngày 14/8/2018).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Hoài Tô G, sinh năm 1970
Địa chỉ: 28/1A BV, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1970
2. Trẻ Vũ Mai Quỳnh K, sinh năm 2010
3. Trẻ Vũ Mai Quỳnh G, sinh năm 2013

Do ông Vũ Hoài Tô G, sinh năm 1970 - là người đại diện theo pháp luật của trẻ K và trẻ G.

4. Bà Vũ Mai Quỳnh U, sinh năm 1971
5. Ông Vũ Hoài N, sinh năm 1974

6. Ông Huỳnh Thanh T sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: 28/1A BV, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Vũ Mai Diễm T, sinh năm 1966

8. Ông Nguyễn P, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: 45/18/32A TT, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Đỗ Thị O, sinh năm 1990

10. Bà Tăng Lê N, sinh năm 1987

11. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989

12. Ông Trịnh Đức H, sinh năm 1988

13. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1993

14. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988

15. Bà Trương Thị Thiên T, sinh năm 1987

16. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1987

17. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985

18. Bà Phạm Thị Vân A, sinh năm 1987

19. Bà Hà Thị T, sinh năm 1950

20. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993

21. Bà Võ Thị Hồng M, sinh năm 1987

22. Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1976

23. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1986

24. Bà Trần Lê Thiên L, sinh năm 1988

25. Ông Vũ Đức H, sinh năm 1974

26. Ông Vũ Hoài S, sinh năm 1974

27. Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1982

28. Trẻ Vũ Hoài Đăng L, sinh năm 2006 - do ông Vũ Hoài S, sinh năm 1974 - là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: 28/1A BV, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

29. Công ty TNHH Một Thành viên Q.

Trụ sở: 22 HV, Phường L, Quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Khánh L, sinh năm 1994

(Văn bản ủy quyền số: 02/2018/HĐUQ/EIB-AMC ngày 17/9/2018 và Văn bản ủy quyền số 59/2018/EIBA/UQ-CTHĐTV ngày 20/11/2018).

NHẬN THẤY:

Ông Bùi Khánh L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/10/2009 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (Gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Vũ Hoài Tô G vay theo Hợp đồng tín dụng số: 2102 - LAV 200900781, số tiền cho vay 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng), lãi suất cho vay: Bằng lãi suất Ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, tính trên toàn bộ nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay là 180 tháng (tính từ ngày giải ngân của Khế ước nhận nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay theo Hợp đồng này), mục đích vay để xây nhà.

Ngày 26/10/2010, hai bên ký Biên bản điều chỉnh và bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 200900781, với nội dung: “Điều chỉnh hạn mức tín dụng thành 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) hoặc vàng tương đương”.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Biên bản điều chỉnh và bổ sung trên, ngày 26/10/2010 các bên ký các Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ, cụ thể sau:

1. Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001086 vay 119 chỉ vàng SJC.

2. Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001087 vay 44.6 chỉ vàng SJC.

3. Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001088 vay 119.5 chỉ vàng SJC.

4. Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001089 vay 104.6 chỉ vàng SJC.

5. Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001090 vay 59.7 chỉ vàng SJC.

6. Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001091 vay 29.8 chỉ vàng SJC.

7. Hợp đồng tín dụng Kiem khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001092 vay 57.8 chỉ vàng SJC.

Tổng cộng số vốn vay của 7 Hợp đồng tín dụng trên là 535 chỉ vàng SJC.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông Vũ Hoài Tô G và bà Vũ Mai Diễm T thế chấp căn nhà số 28/1A BV, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (căn nhà thuộc sở hữu của ông G và bà T), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 77/EIB.TSN/TC/09 ngày 12/10/2009, do Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, gồm: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1XYZ3/98 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/1998, đăng ký thay đổi ngày 04/5/2000, Hợp đồng mua bán nhà số 3059/HĐ-MBN ngày 14/4/2000 và Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 19/4/2000.

Ngày 19/10/2010, Ngân hàng và ông G ký Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 201000624, số tiền cho vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất cho vay: Bằng lãi suất Ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, tính trên toàn bộ nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay 60 tháng (tính từ ngày giải ngân của Khế ước nhận nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay theo Hợp đồng này).

Ngày 26/10/2010, hai bên ký Biên bản bổ sung điều chỉnh lần thứ nhất Hợp đồng tín dụng số: 2102-LAV-201000624, với nội dung: “Điều chỉnh hạn mức tín dụng thành 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) hoặc vàng tương đương”.

Căn cứ Hợp tín dụng, Biên bản điều chỉnh và bổ sung trên, các bên ký các Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ, cụ thể sau:

1.Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001085 ngày 26/10/2010 vay 20 chỉ vàng SJC.

2.Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001142 ngày 28/10/2010 vay 30 chỉ vàng SJC.

Tổng cộng số vốn vay của 2 Hợp đồng tín dụng trên là 50 chỉ vàng SJC.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông G và bà T thế chấp căn nhà số 28/1A BV, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 340/EIB.TSN/TC/10 ngày 20/10/2010, do Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng, ông G liên tục đề nợ quá hạn, không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng, kể từ ngày 08/01/2014, tính đến nay ông G còn nợ Ngân hàng: Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: 2102-LDS-201001086: Nợ gốc: 101.67 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 49.9 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 47.64 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 2.26 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 151.57 chỉ vàng SJC; Số: 2102-LDS-201001087: Nợ gốc: 38.35 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 20.18 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 17.92 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 2.26 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 58.53 chỉ vàng SJC; Số: 2102-LDS-201001088: Nợ gốc: 102.17 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 50.01 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 47.75 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 2.26 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 152.18 chỉ vàng SJC; Số: 2102 - LDS - 201001089: Nợ gốc: 89.11 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 43.62 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 41.64 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 1.98 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 132.73 chỉ vàng SJC; Số: 2102 - LDS - 201001090: Nợ gốc: 51.02 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 24.96 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 23.84 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 1.12 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 75.98 chỉ vàng SJC; Số: 2102 - LDS - 201001091: Nợ gốc: 25.74 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 12.6 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 12.04 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 0.56 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 38.34 chỉ vàng SJC; Số: 2102 - LDS - 201001092: Nợ gốc: 49.35 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 24.16 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 23.07 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 1.09 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 73.51 chỉ vàng SJC; Số: 2102 - LDS - 201001085 ngày 26/10/2010: Nợ gốc: 12.47 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 7.77 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 12.47 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 1.90 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 20.24 chỉ vàng SJC; Số: 2102 - LDS - 201001142 ngày 28/10/2010: Nợ gốc: 18.37 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 11.46 chỉ vàng SJC (gồm lãi trong hạn: 8.59 chỉ vàng SJC + lãi quá hạn: 2.87 chỉ vàng SJC), tổng cộng: 29.83 chỉ vàng SJC; tính đến ngày 21/8/2018 ông G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi là 732.91 chỉ vàng SJC.

Ngày 26/6/2015, Ngân hàng đã bán toàn bộ khoản nợ của ông G cho Công ty TNHH Một Thành viên Q (Gọi tắt VAMC) theo Hợp đồng mua bán, nợ số: 6320/2015/MBN.VAC2 - Eximbank ngày 26/6/2015.

Theo giao dịch mua bán nợ, VAMC nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo đảm nêu trên, Ngân hàng không còn liên quan khoản nợ trên. Vì vậy, ông G có trách nhiệm trả cho VAMC tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/8/2018 là 732.91 chỉ vàng SJC ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, trả lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 22/8/2018 cho

đến khi ông G thanh toán xong số nợ vốn gốc. Trường hợp khi đến hạn thanh toán mà ông G không trả số nợ trên thì VAMC được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2016 của ông Diêu Cam M đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Một Thành viên Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thực hiện theo Nghị định số: 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính Phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một Thành viên Q; Thông tư số:19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC; Ngày 26/6/2015 Ngân hàng đã bán toàn bộ khoản nợ của ông G cho Công ty TNHH Một Thành viên Q theo Hợp đồng mua bán, nợ số: 6320/2015/MBN.VAC2 - Eximbank ngày 26/6/2015, bao gồm Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 200900781 ngày 12/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 201000624 ngày 19/10/2010.

Sau khi mua lại khoản nợ, VAMC đã ủy quyền cho Ngân hàng tiếp tục quản lý, đòi, thu hồi nợ đối với khoản nợ của ông G. Vì vậy, VAMC đồng ý các yêu cầu của Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Bùi Khánh L đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho VAMC là 732.91 chỉ vàng SJC. Trong đó nợ gốc là 488.25 chỉ vàng SJC, nợ lãi: 244.66 chỉ vàng SJC (lãi trong hạn: 228.36 chỉ vàng SJC, lãi quá hạn: 16.3 chỉ vàng SJC), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 200900781 ngày 12/10/2009 trước hạn hai bên đã ký do phía bị đơn vi phạm Hợp đồng, trả lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 22/8/2018 cho đến khi ông G thanh toán xong số nợ vốn gốc. Nếu đến hạn thanh toán ông G không trả hết nợ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho VAMC. Trong trường hợp việc bán tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ nêu trên thì bị đơn phải dùng tài sản khác để tiếp tục trả nợ theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Hoài Tô G; đồng thời ông G đại diện theo pháp luật của trẻ K, trẻ G; bà C, bà U, ông Vũ Hoài N, ông Trầm, bà T, ông P, bà O, bà N, bà Kim N, ông Đức H, ông Nguyễn Quang H, bà H, bà T, ông L, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Vân A, bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thanh H, bà M, ông Hồ Hữu H, ông Đ, bà Thiên L, ông Vũ Đức H, ông S; đồng thời ông S đại diện theo pháp luật của trẻ L; bà Thanh T, ông M đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Một Thành viên Q đều vắng mặt không lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 504/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Chấm dứt Hợp đồng tín dụng số:2102 -LAV 200900781 ngày 12/10/2009 giữa Công ty TNHH Một Thành viên Q (là người Kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X) và ông Vũ Hoài Tô G.

2. Buộc ông Vũ Hoài Tô G phải trả cho Công ty TNHH Một Thành viên Q (là người Kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X) 732.91 (Bảy trăm ba mươi hai chỉ chín mươi một phân) vàng SJC, gồm nợ gốc

488.25 (Bốn trăm tám mươi tám chỉ, hai mươi lăm phân) vàng SJC, nợ lãi 244.66 (Hai trăm bốn mươi bốn chỉ, sáu mươi sáu phân) vàng SJC ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Sau khi nhận đủ số vàng nói trên thì Công ty TNHH Một Thành viên Q phải trả lại cho ông Vũ Hoài Tô G và bà Vũ Mai Diễm T bản chính hồ sơ chủ quyền căn nhà số 28/1A BV, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số:1XYZ3/98 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/1998, đăng ký thay đổi ngày 04/5/2000, Hợp đồng mua bán nhà số:3059/HĐ - MBN ngày 14/4/2000 và Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 19/4/2000.

4. Nếu đến hạn trả nợ mà ông Vũ Hoài Tô G không trả số vàng nói trên cho Công ty TNHH Một Thành viên Q thì Công ty TNHH Một Thành viên Q có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mãi căn nhà số 28/1A BV, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để trả nợ cho Công ty TNHH Một Thành viên Q. Ông Vũ Hoài Tô G, trẻ Vũ Mai Quỳnh K, trẻ Vũ Mai Quỳnh G (trẻ K và trẻ G do ông Vũ Hoài Tô G là người đại diện theo pháp luật), bà Lê Thị Kim C, bà Vũ Mai Quỳnh U, ông Vũ Hoài N, ông Huỳnh Thanh T, bà Vũ Mai Diễm T, ông Nguyễn P, bà Đỗ Thị O, bà Tăng Lê N, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Trịnh Đức H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Trương Thị Thiên T, ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Phạm Thị Vân A, bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thanh H, bà Võ Thị Hồng M, ông Hồ Hữu H, ông Huỳnh Văn Đ, bà Trần Lê Thiên L, ông Vũ Đức H, ông Vũ Hoài S, trẻ Vũ Hoài Đăng L (trẻ L do ông Vũ Hoài S là người đại diện theo pháp luật) và bà Phạm Thị Thanh T phải giao căn nhà thế chấp trên cho Chi cục Thi hành án dân sự khi xử lý tài sản thế chấp.

5. Công ty TNHH Một Thành viên Q được tiếp tục tính lãi quá hạn trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 200900781 ngày 12/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số:2102 - LAV 201000624 ngày 19/10/2010, tính từ ngày 22/8/2018 cho đến khi ông Vũ Hoài Tô G trả hết số nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà giá trị tài sản không đủ thu hồi nợ thì ông Vũ Hoài Tô G có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho hết nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm bị kháng nghị và kháng cáo như sau:

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 50/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/9/2018 kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 504/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B với các nội dung chính sau:

Về tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần X là nguyên đơn còn VAMC là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Trong trường hợp này người khởi kiện phải là VAMC còn ngân hàng là người đại diện theo ủy quyền nếu có giấy ủy quyền hợp lệ.

Về nội dung:

Phần quyết định của bản án sơ thẩm không áp dụng Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của các tổ chức tín dụng là thiếu sót.

Án sơ thẩm tính lãi suất kể từ thời điểm cho vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi thi hành xong khoản nợ là trái quy định, chỉ áp dụng tính lãi từ thời điểm vay cho đến ngày Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực (01/5/2011).

Bản án tuyên buộc ông G phải trả vàng SJC cho ngân hàng là vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ và không đúng theo Công văn số 372/TATP-GĐKT ngày 28/02/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn giải quyết tranh chấp mà có đối tượng giao dịch là vàng.

Ngày 20/9/2018, bị đơn ông Vũ Hoài Tô G có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vụ án đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn không đúng trình tự tố tụng và toàn bộ nội dung bản án bất lợi cho bị đơn khi xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Vũ Hoài Tô G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một Thành viên Q có ông Bùi Khánh L là người đại diện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Vũ Hoài Tô G trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vụ án đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn không đúng trình tự tố tụng và không triệu tập vợ của ông G và cũng là người cùng địa chỉ cư trú với ông G là bà Lê Kim Trân C tham gia tố tụng. Đồng thời ông G cũng đã cung cấp cho Tòa án bản sao y giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và căn cước công dân của bà Lê Kim Trân C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến hết quá trình xét xử phúc thẩm. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung:

Giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 50/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/9/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về kháng cáo của ông Vũ Hoài Tô G: Ông G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 17/9/2018, ông G nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 20/9/2018, ông G nộp đơn

kháng cáo là hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung kháng cáo của ông G: Căn cứ Biên bản không tổng đạt được cho ông Vũ Hoài Tô G ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B, có xác nhận của bà Hồ Chí Tuyên là trưởng ban điều hành khu phố do ông G *‘không có mặt tại địa chỉ trên, không rõ thời điểm trở về, không ai nhận thay, tổ trưởng từ chối nhận thay’* và các biên bản niêm yết cùng ngày 03/8/2018 có cơ sở xác định Tòa án có tiến hành niêm yết cho ông G quyết định xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đủ thời hạn 15 ngày trước thời điểm mở phiên tòa. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận việc không tổng đạt trực tiếp được cho ông G có xác nhận của trưởng ban điều hành khu phố là chưa hợp lệ theo Khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *« Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc công an xã, phường, thị trấn ; đồng thời, thực hiện thủ tục niêm yết công khai... »*

Kháng cáo của ông G về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Kim Trân C tham gia tố tụng, Viện kiểm sát xét thấy: Bà C là vợ của ông G, có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2011, tức là sau thời điểm ông G ký hợp đồng vay với Ngân hàng. Tuy nhiên bà C cùng cư trú tại căn nhà số 28/1A BV, Phường T, quận B là căn nhà thế chấp cho hợp đồng vay của ông G. Vì vậy, để giải quyết toàn diện vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải triệu tập bà C tham gia tố tụng, lấy lời khai để giải quyết vụ án.

Do đó, căn cứ kháng nghị của viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 504/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B, gửi hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim C, bà Vũ Mai Quỳnh U, ông Vũ Hoài N, ông Huỳnh Thanh T, bà Vũ Mai Diễm T, ông Nguyễn P, bà Đỗ Thị O, bà Tăng Lê N, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Trịnh Đức H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Trương Thị Thiên T, ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Phạm Thị Vân A, bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thanh H, bà Võ Thị Hồng M, ông Hồ Hữu H, ông Huỳnh Văn Đ, bà Trần Lê Thiên L, ông Vũ Đức H, ông Vũ Hoài S (đồng thời ông S đại diện theo pháp luật của trẻ Vũ Hoài Đăng L), bà Phạm Thị Thanh T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét quyết định kháng nghị và thời hạn kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng hình thức và trong thời hạn

theo quy định tại Điều 279, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về hình thức kháng cáo: Ông G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 17/9/2018, ông G được tổng đạt trực tiếp bản án sơ thẩm. Ngày 20/9/2018, ông G nộp đơn kháng cáo là hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[3] Xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ngày 20/3/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (viết tắt là Eximbank) khởi kiện. Ngày 26/6/2015 Eximbank bán toàn bộ khoản nợ của ông Vũ Hoài Tô G cho Công ty TNHH Một Thành viên Q (viết tắt là VAMC) theo Hợp đồng mua bán, nợ số: 6320/2015/MBN.VAC2 - Eximbank. Theo giao dịch mua bán nợ này, VAMC nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Eximbank phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 200900781 ngày 12/10/2009; Số: 2102 -LAV 201000624 ngày 19/10/2010 và các Hợp đồng thế chấp số: 77/EIB.TSN/TC/09 ngày 12/10/2009 và số: 340/EIB.TSN/TC/10 ngày 20/10/2010 giữa Eximbank và ông Vũ Hoài Tô G, bà Vũ Mai Diễm T.

Như vậy, VAMC đã nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của ngân hàng Eximbank nên Bản án sơ thẩm xác định Ngân hàng Eximbank là nguyên đơn còn VAMC là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng.

Do đó, căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại nguyên đơn là Công ty TNHH Một Thành viên Q (viết tắt là VAMC) còn ngân hàng Thương mại Cổ phần X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 200900781 ngày 12/10/2009; Biên bản điều chỉnh và bổ sung ngày 26/10/2010; các Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001086; Số:2102 - LDS - 201001087; Số: 2102 - LDS - 201001088; Số: 2102 - LDS - 201001089; Số:2102 - LDS - 201001090; Số: 2102 - LDS - 201001091; Số: 2102 - LDS - 201001092 ngày 26/10/2010; Hợp đồng tín dụng số:2102 -LAV 201000624 ngày 19/10/2010; Biên bản bổ sung điều chỉnh lần thứ nhất ngày 26/10/2010; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số: 2102 - LDS - 201001085 ngày 26/10/2010 và Số: 2102 - LDS - 201001142 ngày 28/10/2010 thì có đủ cơ sở xác định ông Vũ Hoài Tô G vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X nay là VAMC số vàng là 585 chỉ vàng SJC, đã trả nợ gốc 96.75 chỉ vàng SJC còn nợ lại 488.25 chỉ vàng SJC.

[3.3] Xét Hợp đồng tín dụng số: 2102 - LAV 201000624 ngày 19/10/2010 đã quá thời hạn thanh toán từ lâu; Đối với Hợp đồng tín dụng số: 2102 -LAV 200900781 ngày 12/10/2009 thì thời hạn vay là 180 tháng; mặc dù thời hạn vay còn, tuy nhiên do phía ông G không chịu trả vốn và lãi cho nguyên đơn từ ngày 08/01/2014 cho đến nay là đã vi phạm theo điểm 3.2 Điều 3 của Hợp đồng hai bên đã ký nên nguyên đơn có quyền khởi kiện ông G trả nợ trước thời hạn của hợp đồng trên là có cơ sở.

[3.4] Về lãi suất: Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng có quy định: *‘Tổ chức tín dụng không được thực hiện cho vay vốn bằng vàng đối với khách hàng và các tổ chức tín dụng khác (kể cả hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng chưa giải ngân hoặc giải ngân chưa hết)...’*. Như vậy, Thông tư số 11 nêu trên không quy định đối với trường hợp hợp đồng tín dụng đã được giải ngân và đang trả lãi. Do đó, bản án sơ thẩm tính lãi suất kể từ thời điểm cho vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi thi hành xong khoản nợ là đúng quy định. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tính lãi của bản án sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật.

[3.5] Về phương thức thanh toán: Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông G phải trả nợ gốc và lãi cho VAMC là 732.91 chỉ vàng SJC. Bản án sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ. Theo Công văn số 372/TATP-GĐKT ngày 28/02/3013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải đáp một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật có hướng dẫn: *‘Khi giải quyết tranh chấp về dân sự, kinh doanh thương mại... mà có đối tượng giao dịch là vàng (hợp đồng vay vốn bằng vàng, hợp đồng mua bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thanh toán bằng vàng...) thì Tòa án không được quyết định các đương sự thanh toán cho nhau bằng vàng mà phải quy đổi vàng ra Đồng Việt Nam theo giá mua vào của tổ chức được phép hoạt động kinh doanh mua, bán vàng’*. Kháng nghị của viện kiểm sát về phương thức thanh toán nêu trên là có cơ sở.

[4] Về nội dung kháng cáo của ông G: Căn cứ Biên bản không tổng đạt được cho ông Vũ Hoài Tô G ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B, có xác nhận của bà Hồ Chí Tuyên là trưởng ban điều hành khu phố do ông G *‘không có mặt tại địa chỉ trên, không rõ thời điểm trở về, không ai nhận thay, tổ trưởng từ chối nhận thay’* và các biên bản niêm yết cùng ngày 03/8/2018 có cơ sở xác định Tòa án có tiến hành niêm yết cho ông G quyết định xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đủ thời hạn 15 ngày trước thời điểm mở phiên tòa. Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận việc không tổng đạt trực tiếp được cho ông G có xác nhận của trưởng ban điều hành khu phố, không có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố hoặc công an phường nơi ông G cư trú là chưa đúng hình thức quy định.

Kháng cáo của ông G về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Kim Trân C tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 24/8/2011 do Ủy ban nhân dân Phường T, quận B cấp và bản sao căn cước công dân của bà Lê Kim Trân C, có căn cứ xác định bà C là vợ của ông G và cư trú tại căn nhà số 28/1A BV, Phường T, quận B là căn nhà thế chấp cho hợp đồng vay của ông G. Vì vậy, để giải quyết toàn diện vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải triệu tập bà Lê Kim Trân C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì mới có căn cứ giải quyết vụ án.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Vũ Hoài Tô G, hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 279, 280 và khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Pháp lệnh án phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoài Tô G.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 504/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân quận B và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Hoài Tô G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông G số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0037102 ngày 28/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận B.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận B (kèm hồ sơ);
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quang

